

ĐỀ ÁN

“ĐỔI MỚI VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ”

(Dự thảo)

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (CLTK11-20) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011. Theo đó, Chiến lược đã xác định 45 hoạt động chủ yếu thuộc 09 Chương trình hành động thực hiện CLTK11-20, trong đó, hoạt động “Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học thống kê” là một trong các hoạt động được ưu tiên triển khai thực hiện từ năm 2012. Một trong các giải pháp nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học thống kê là tiến hành đổi mới một cách toàn diện Viện Khoa học Thống kê - Đơn vị nghiên cứu khoa học thống kê duy nhất của ngành Thống kê. Thực hiện nhiệm vụ này, Viện Khoa học Thống kê đã khẩn trương dự thảo Đề án “Đổi mới Viện Khoa học Thống kê giai đoạn 2011-2020”, và sẽ trình Tổng cục trưởng phê duyệt vào Quý 4/2012.

Nhằm hoàn thiện hơn nữa Dự thảo Đề án “Đổi mới Viện Khoa học Thống kê giai đoạn 2011-2020” trước khi trình Tổng cục trưởng phê duyệt, Thông tin Khoa học Thống kê trân trọng giới thiệu với bạn đọc Dự thảo đề án này và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của quý độc giả.

Cấu trúc của Đề án gồm 7 nội dung chính: i) Tính cấp thiết xây dựng Đề án; ii) Cơ sở pháp lý xây dựng Đề án; iii) Đánh giá hiện trạng Viện KHTK; iv) Bối cảnh, cơ hội và thách thức; v) Quan điểm, sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu đổi mới; vi) Nội dung đổi mới; vii) Giải pháp, lộ trình thực hiện. Dưới đây là nội dung chi tiết của Đề án.

I. Tính cấp thiết xây dựng Đề án

Thông tin thống kê là một trong những công cụ quan trọng trong việc hỗ trợ ra các quyết định quản lý kinh tế - xã hội và điều hành đất nước của mỗi quốc gia. Cùng với sự phát triển chung của xã hội, thống kê ngày càng có vai trò to lớn trong đời sống kinh tế - xã hội, việc Liên hợp quốc lần đầu tiên lấy ngày 20/10 hàng năm làm Ngày Thống kê Thế giới càng khẳng định điều đó. Ở Việt Nam trong hơn 60 năm qua, ngành Thống kê Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong việc cung cấp thông tin kinh tế xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, cũng như đáp ứng những nhu cầu thông tin của toàn xã hội. Trong các hoạt động của ngành Thống kê thì công tác nghiên cứu khoa học và thông tin kinh tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu làm nền tảng cho những hoạt động nghiệp vụ của toàn ngành. Nhận thức được điều này, ngày 03/01/1976, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-TCTK về việc thành lập Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê và thông tin kinh tế, tiền thân của Viện Khoa học Thống kê (Viện KHTK) ngày nay.

Trải qua gần 40 năm xây dựng và phát triển Viện KHTK đã có những đóng góp xứng đáng trong sự nghiệp phát triển của ngành Thống kê nói riêng và khoa học và công nghệ của nước ta nói chung, Viện KHTK đã từng được xếp vào 41 Viện nghiên cứu loại I của nước ta. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới của nền kinh tế nước ta và

trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, các hiện tượng kinh tế - xã hội mới phát sinh cần được nghiên cứu và đo lường ở phạm vi quốc gia và quốc tế. Cộng đồng thống kê trên thế giới đã xác định “Nghiên cứu khoa học thống kê là một trong 4 trụ cột của thống kê thế giới trong Thế kỷ 21”¹. Đối với Việt Nam, các trụ cột của thống kê thế giới nói trên đã được thể hiện trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011. Theo đó, một trong bước đột phá của Chiến lược là “Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế” và Chiến lược đã dành hẳn 1 trong 9 Chương trình hành động cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Nhằm đáp ứng được yêu cầu của việc thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nói riêng và yêu cầu đổi mới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nói chung, đòi hỏi tất yếu Viện KHTK phải tiến hành đổi mới toàn diện và mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực từ cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, cách thức tổ chức quản lý cho đến các hoạt động chuyên môn khác của Viện.

II. Cơ sở pháp lý

Một số văn bản pháp lý quan trọng tạo cơ sở cho việc đổi mới Viện KHTK được liệt kê dưới đây.

- Luật Khoa học và công nghệ được Quốc hội thông qua ngày 9/6/2000;
- Luật Thống kê được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2003;
- Nghị định số 115/2005/NĐ - CP ngày 05/9/2005 về qui định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Tổ chức khoa học và công nghệ;
 - Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
 - Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT/BKH&CN-BTC-BNV ngày 26 tháng 12 năm 2011, sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
 - Quyết định số 08/2007/BKH&CN ngày 06/4/2007 qui định về tiêu chí xác định tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ nhà nước;
 - Thông tư Liên tịch số: 44/2007/TTLT-BTC- KH&CN ngày 07/5/2007 về Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
 - Thông tư Liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 04/10/2006 hướng dẫn chế độ kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
 - Quyết định 870/QĐ-TCTK ngày 1/12/2004 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện Khoa học Thống kê;

¹ Tại Diễn đàn “Thống kê, tri thức và chính sách” do OECD tổ chức đã xác định 4 trụ cột: Nghiên cứu và ứng dụng khoa học thống kê; Ứng dụng CNTT và truyền thông để chuyển tải thông tin thống kê thành tri thức của người dân; Đẩy mạnh phân tích và dự báo; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê[1]

- Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Quyết định 676/QĐ-BKH, ngày 25/5/2009 về phân cấp quản lý công chức, viên chức của các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 03/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;
- Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

III. Đánh giá hiện trạng Viện KHTK

3.1. Kết quả đạt được và điểm mạnh

3.1.1. Những kết quả đạt được

Viện KHTK đã có gần 40 năm hình thành và phát triển, Viện đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

Một là, từ khi thành lập (năm 1976) đến nay, Viện KHTK đã tổ chức nghiên cứu được gần 400 đề tài khoa học. Riêng giai đoạn 2006-2011 đã nghiên cứu được 99 đề tài, trong đó, có 37 đề tài cấp Bộ (chiếm 37,4%), 62 đề tài cấp cơ sở (chiếm 62,6%). Trong số 99 đề tài nói trên, Viện KHTK trực tiếp nghiên cứu 24/99 đề tài (chiếm 24,3%); phối hợp với một số Vụ thuộc cơ quan Tổng cục nghiên cứu 70/99 đề tài (chiếm 70,7%); phối hợp với một số Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu 5/99 đề tài (chiếm 5,0%). Việc thực hiện thành công số lượng lớn các đề tài khoa học này đã góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành Thống kê là cung cấp thông tin thống kê với chất lượng ngày càng được cải thiện; và thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng chính phủ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê.

Kết quả nghiên cứu của một số đề tài nói trên đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược, chính sách phát triển thống kê Việt Nam, như: Định hướng phát triển Thống kê Việt Nam đến năm 2010; Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Luật Thống kê và các văn bản dưới Luật.

Phần lớn các đề tài khoa học nói trên đã tập trung nghiên cứu, áp dụng phương pháp luận và qui trình thống kê theo khuyến nghị của thống kê quốc tế ở tất cả các lĩnh vực thống kê kinh tế - xã hội, như: Hệ thống tài khoản quốc gia phiên bản 1993 và nay là phiên bản 2008 của UNSD; thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản; thống kê công nghiệp, thống kê thương mại, dịch vụ (xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, du lịch, vận tải...); thống kê giá; thống kê dân số và lao động; thống kê xã hội, môi trường.... Nghiên cứu và áp dụng các bảng danh mục và phân loại thống kê, như: Hệ thống ngành kinh tế, Hệ thống ngành sản phẩm, Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, Danh mục nghề nghiệp, Phân loại thành phần kinh tế... Nghiên cứu biên soạn và xuất bản sách và tài liệu thống kê, như: Từ điển thống kê; Thuật ngữ thống kê thông dụng...

Liên kết với các cơ quan, tổ chức ngoài ngành Thống kê thực hiện nghiên cứu một số đề tài, dự án, như: Liên kết với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đánh giá tác động của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế của Việt Nam; kết quả nghiên cứu đã giúp Bộ Khoa học và Công nghệ có được những dữ liệu, các bản phân tích, đánh giá tác động của khoa học và công nghệ tới sự phát triển kinh tế, xã hội nước ta; liên kết với Viện Nghiên cứu phát triển Pháp (IRD), nghiên cứu khu vực phi chính thức ở Việt Nam (ngoài các ấn phẩm đã được

xuất bản, Viện KHTK đã phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Tổ chức Lao động thế giới tại Việt Nam (ILO) tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam).

Hai là, thông tin và tư liệu khoa học thống kê đã đóng góp tích cực trong việc giới thiệu, hướng dẫn phương pháp luận thống kê đến các đối tượng trong và ngoài ngành Thống kê. Định kỳ xuất bản các ấn phẩm Tờ Thông tin khoa học thống kê, Chuyên san khoa học thống kê, kỷ yếu khoa học, tổng luận, tổng thuật; dịch thuật... Trong giai đoạn 2006-2011, Viện KHTK đã viết gần 250 bài đăng trên các tạp chí, chuyên san trong và ngoài ngành Thống kê, như: Tạp chí Con số và sự kiện, Tạp chí Thông tin và dự báo kinh tế xã hội, Tờ Thông tin Khoa học thống kê... Và viết rất nhiều tin, bài đăng trên một số trang thông tin điện tử, như: vietnamnet.com.vn; vienthongke.vn; gso.gov.vn. Trang thông tin điện tử (vienthongke.vn) của Viện KHTK được đưa vào hoạt động từ đầu năm 2008 đến nay đã có hơn 1 triệu lượt người truy cập. Dịch thuật là một trong các hoạt động phổ biến thông tin được Viện KHTK chú trọng, Viện đã biên dịch được một số tài liệu về nghiệp vụ thống kê quan trọng từ tài liệu gốc bằng Tiếng Anh, như: Hướng dẫn thống kê thực hành của Nhà xuất bản LLC Bedford, Freeman and Worth, New York; Phương pháp nghiên cứu thống kê chính thức của UNSD; và đang triển khai dịch cuốn Hệ thống Tài khoản quốc gia 2008.

Ba là, quản lý khoa học thống kê của Tổng cục Thống kê là một trong các chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thống kê được giao cho Viện KHTK. Mặc dù là đơn vị sự nghiệp, nhưng Viện KHTK đã thực hiện tốt chức năng này. Viện KHTK đã tham mưu giúp lãnh đạo Tổng cục xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm, 5 năm và tổ chức nhiều Hội đồng khoa học cấp Tổng cục (Bộ), cấp cơ sở để xét duyệt, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của gần 400 đề tài khoa học. Công tác kiểm tra, giám sát tiến độ nghiên cứu các đề tài được thực hiện thường xuyên. Công tác thẩm định kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cũng được TCTK quan tâm, những đề tài lớn, phức tạp đều được đọc thẩm định kết quả nghiên cứu trước khi nghiệm thu. Nhờ đó, chất lượng nghiên cứu các đề tài khoa học đã được nâng cao một bước. Tất cả kết quả nghiên cứu của đề tài đều thực hiện đăng ký chứng nhận theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCHN ngày 16/3/2007. Công tác quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học được thực hiện theo các văn bản của Nhà nước (Ban hành văn bản số 27/VTKE-QL ngày 7/4/2008 hướng dẫn thực hiện Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCHN về định mức xây dựng và phân bổ dự toán đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách Nhà nước).

Viện KHTK đạt được những kết quả chủ yếu nói trên là do phát huy những điểm mạnh dưới đây.

3.1.2. Những điểm mạnh

Thứ nhất, Chính sách đổi mới về khoa học và công nghệ của Nhà nước đã ưu tiên phát triển các tổ chức khoa học công nghệ công lập thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực phục vụ quản lý Nhà nước (khoản 3, Điều 4, Nghị định 115/2005/NĐ-CP), trong đó, có Viện KHTK. Theo đó, hàng năm Viện KHTK thuộc đối tượng được cấp 100% kinh phí từ ngân sách Nhà nước để triển khai nghiên cứu phương pháp luận thống kê, chiến lược, chính sách phát triển thống kê. Điểm mạnh này đã được Viện KHTK khai thác tối đa phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị của Tổng cục. Trong những năm qua, kinh phí được cấp tăng liên tục, năm 2009 được cấp 3,13 tỷ đồng, năm 2010 được cấp 6,01 tỷ đồng (tăng 94% so với năm 2009); năm 2011 được cấp 6,23 tỷ đồng (tăng 201% so với năm 2009).

Thứ hai, Viện KHTK là đơn vị nghiên cứu khoa học duy nhất của ngành Thống kê, Viện có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng và được cấp giấy đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Do có những điều kiện pháp nhân này, Viện KHTK được Tổng cục phân cấp quản lý, chịu trách nhiệm toàn diện về nhân sự đối với công chức, viên chức thuộc Viện, quyết định đối với chức danh lãnh đạo từ Trưởng phòng (và tương đương) trở xuống. Việc phân cấp quản lý, chịu trách nhiệm toàn diện về nhân sự đã giúp Viện KHTK chủ động trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng nguồn nhân lực của Viện. Phát huy điểm mạnh này, Viện KHTK đã tuyển dụng được đội ngũ công chức, viên chức không chỉ có đủ trình độ đảm đương được các vị trí công việc, mà còn có tâm huyết với nghề, làm việc lâu dài ở Viện KHTK. Ngoài số biên chế được giao chính thức, Viện KHTK còn được chủ động ký kết hợp đồng lao động để thực hiện những nhiệm vụ khoa học công nghệ. Hàng năm, Viện KHTK đã huy động và ký hợp đồng công việc với hàng trăm lượt chuyên gia, nhà khoa học để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khác nhau.

Viện KHTK không chỉ được giao thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, mà còn được quyền liên kết thực hiện nghiên cứu, đào tạo và dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Đây là điểm mạnh, các đơn vị hành chính của Tổng cục không thể có được. Tuy nhiên, điểm mạnh này, Viện KHTK chưa phát huy được là bao.

Thứ ba, phạm vi hoạt động của Viện KHTK rất rộng về không gian và đa dạng về lĩnh vực. Với lợi thế là tổ chức nghiên cứu khoa học thống kê kinh tế xã hội duy nhất của ngành Thống kê và với Hệ thống thống kê tập trung từ Trung ương đến các huyện, quận; và với thống kê Bộ, ngành... Viện KHTK có thể triển khai hoạt động của mình trên phạm vi lãnh thổ toàn quốc và với các đối tác ở nước ngoài. Viện KHTK, không chỉ nghiên cứu khoa học thống kê cơ bản, mà còn thực hiện nghiên cứu ở hầu hết các lĩnh vực thống kê kinh tế, xã hội, môi trường.

3.2. Những hạn chế và điểm yếu

3.2.1. Những hạn chế

Một là, chưa phát huy được đầy đủ một số điểm mạnh vốn có của Viện KHTK. Viện KHTK là đơn vị “độc nhất vô nhị” của ngành Thống kê và có một số lợi thế nhất định so với các đơn vị khác trong ngành, nhưng thực tế chưa khai thác được hết những lợi thế này. Cho nên, qui mô, kết quả hoạt động và tầm ảnh hưởng của Viện KHTK chưa tương xứng với một Viện nghiên cứu đầu ngành Thống kê. Viện chưa tạo dựng được thương hiệu riêng của mình trong các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học; thông tin, tư liệu khoa học; đào tạo và hợp tác quốc tế.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, mặc dù trực tiếp nghiên cứu 20% đề tài trong số hàng trăm đề tài của Tổng cục (giai đoạn 2006-2010), nhưng chưa tập trung nguồn lực để nghiên cứu, giải quyết triệt để một số vấn đề lớn của ngành, liên ngành. Các đề tài khoa học do Viện trực tiếp thực hiện còn tản mạn, thiếu tính kế thừa, và/hoặc không có hướng phát triển nghiên cứu tiếp theo. Sản phẩm nghiên cứu của Viện chưa trở thành kiến thức nền tảng phát triển của Viện KHTK nói riêng và Tổng cục Thống kê nói chung. Viện KHTK chưa tạo dựng được đội ngũ các chuyên gia đầu ngành về nghiên cứu khoa học thống kê nói chung, thống kê kinh tế, xã hội, môi trường nói riêng.

Thông tin khoa học thống kê chưa được đổi mới mạnh mẽ về nội dung, hình thức và cơ chế phổ biến thông tin khoa học thống kê theo yêu tố thị trường. Kế hoạch nâng cấp Từ Thông tin lên thành Tạp chí khoa học thống kê đã được đề cập khá lâu, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Ấn phẩm thông tin còn nghèo nàn về chủng

loại và hạn chế về chất lượng. Đối tượng được phục vụ thông tin khoa học chưa được mở rộng, số lượng phát hành còn hạn chế. Chưa mạnh dạn thực hiện cung cấp thông tin có thu phí.

Đào tạo và hợp tác quốc tế của Viện KHTK còn rất mờ nhạt, không có tính hệ thống. Đối với công tác đào tạo, Viện KHTK chưa tạo dựng được những điều kiện cần thiết cho việc giảng dạy và học tập, như: Chưa bố trí được các công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí công việc này trong nhiều năm; chưa xây dựng được bộ chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho những người làm công tác thống kê và chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức thống kê và kỹ năng khai thác số liệu cho các đối tượng sử dụng thông tin thống kê; chưa hình thành được đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp của Viện cũng như chưa thành lập được đơn vị (ví dụ như trung tâm đào tạo) thực hiện công việc tổ chức đào tạo; trang thiết bị phục vụ dạy và học hầu như chưa được đầu tư. Riêng đối với việc đào tạo trình độ tiến sĩ, đến nay vẫn là viễn tưởng đối với Viện KHTK nói riêng và Tổng cục nói chung.

Tương tự đối với hoạt động hợp tác quốc tế, Viện KHTK cũng chưa bố trí được công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí công việc này. Ngoài việc tổ chức được một số đoàn khảo sát nước ngoài, cử người tham dự hội thảo quốc tế, tổ chức được 01 cuộc hội thảo quốc tế tại nước ta, Viện KHTK chưa xây dựng và thực hiện được kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế dài hạn (xác định đối tác, chủ đề, nội dung, hình thức và mức độ hợp tác...).

Hai là, chưa gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài, nhất là các đề tài nghiên cứu về phương pháp luận thống kê chưa được biên tập thành các tài liệu, bài giảng để đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thống kê cho những người làm công tác thống kê; chưa biên soạn và xuất bản thành những ấn phẩm chuyên khảo phát hành rộng rãi trong và ngoài ngành Thống kê.

Ba là, chậm đổi mới và chưa có bước đột phá trong nghiên cứu khoa học, thông tin khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế. Mặc dù, mấy năm gần đây, đã đề cập đến vấn đề đổi mới Viện KHTK và đã xác định được một số nội dung cụ thể cần đổi mới căn bản, nhưng đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện được. Chẳng hạn: Ấn phẩm thông tin khoa học truyền thống và chủ yếu của Viện KHTK nói riêng và của ngành Thống kê nói chung là *Tờ Thông tin khoa học thống kê*, đã được phát hành nhiều năm và trở nên quen thuộc với các độc giả trong và ngoài ngành, nhưng có một hạn chế cơ bản là các bài báo khoa học đăng trên ấn phẩm này không được tính điểm khi xét tuyển nghiên cứu sinh, xét phong danh hiệu học hàm, học vị... Nhằm khắc phục hạn chế này, Viện KHTK đã có kế hoạch nâng cấp ấn phẩm này lên Tạp chí Khoa học thống kê. Việc nâng cấp lên thành Tạp chí Khoa học thống kê đã nhận được sự đồng thuận của nhiều tác giả cũng như độc giả của ấn phẩm này. Viện cũng đã chuẩn bị hồ sơ nâng cấp lên Tạp chí, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được sự ủng hộ của Tổng cục. Viện cũng đã có chủ trương xây dựng thư viện điện tử trên cơ sở Thư viện hiện có của Viện, nhưng vẫn chưa triển khai thực hiện được. Tương tự như vậy, thành lập Hội đồng khoa học của Tổng cục, qui chế quản lý đề tài cũng đã được dự thảo, nhưng vẫn chưa chính thức hóa bằng văn bản hành chính để thống nhất thực hiện. Quản lý khoa học trực tuyến cũng đã được khởi động, phần mềm quản lý khoa học cũng đã được thiết kế từ từ 3 năm nay, nhưng vẫn chưa đưa vào sử dụng chính thức trong hoạt động quản lý khoa học. Nhóm phân tích và dự báo cũng đã được hình thành nhiều năm nay, đã mở lớp đào tạo kỹ năng phân tích và dự báo cho các thành viên trong nhóm, nhưng vẫn chưa có sản phẩm nào của nhóm này, v.v. Có nhiều nguyên nhân làm cho Viện KHTK chưa triển khai thực hiện được các nội dung đổi mới này, trong đó, có nguyên nhân là do thiếu những người đứng đầu chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung đổi mới này.

3.2.2. Những điểm yếu

Thứ nhất, chưa xác định được tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược phát triển trong từng giai đoạn cụ thể của Viện. Mặc dù đã được Tổng cục giao chức năng nhiệm vụ cho Viện KHTK, nhưng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ này, Viện KHTK cần phải xác định được tầm nhìn cần vươn tới của Viện KHTK trong từng giai đoạn cụ thể. Chẳng hạn, tầm nhìn của Viện KHTK đến năm 2030 sẽ trở thành Viện nghiên cứu và đào tạo thống kê hàng đầu trong khu vực. Khi đã xác định được tầm nhìn đúng sẽ cuốn hút mọi người cùng hướng về tầm nhìn. Trên cơ sở đã có tầm nhìn, sẽ xác định được từng mục tiêu cụ thể và chiến lược để đạt được những mục tiêu đã đặt ra. Do chưa xác định được tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược phát triển cho từng giai đoạn cụ thể, nên Viện KHTK chưa phát triển tương xứng với vị trí của một đơn vị nghiên cứu duy nhất của Tổng cục nói riêng và của ngành Thống kê nói chung. Các sản phẩm nghiên cứu của Viện KHTK chưa vượt trội hẳn so với các sản phẩm nghiên cứu của các đơn vị khác (thuộc Tổng cục) không chuyên nghiên cứu như Viện KHTK. Nếu so với các đơn vị sự nghiệp khoa học trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thì Viện KHTK không chỉ nhỏ bé về qui mô, mà còn thua kém nhiều mặt.

Thứ hai, nguồn nhân lực của Viện KHTK không chỉ thiếu về số lượng, mà còn yếu về chất lượng. Hầu hết, công chức viên chức có thâm niên công tác ở Viện KHTK chưa bắt nhịp được với những thay đổi theo cơ chế thị trường nói chung và trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nói riêng. Nhiều công chức, viên chức chưa chủ động tham mưu, đề xuất và tổ chức nghiên cứu những vấn đề quan trọng góp phần tạo dựng tên tuổi và thương hiệu của Viện KHTK. Những công chức này chưa thể đảm đương được vai trò của một cán bộ nghiên cứu đầu đàn, có sức lôi kéo, lan tỏa tới những nghiên cứu viên trẻ. Một số công chức, viên chức khác chưa xác định được hướng nghiên cứu cho mình và không mạnh dạn tham gia hoặc chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, mặc dù đã được Viện KHTK động viên, tạo điều kiện. Một số công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ, tin học khá, nhiệt tình, say mê với nghiên cứu khoa học, nhưng chưa có kinh nghiệm, cần có thời gian tích lũy kiến thức thực tế mới có thể đảm đương độc lập công trình nghiên cứu.

Thứ ba, cơ cấu tổ chức, biên chế chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao. Viện KHTK được giao 4 chức năng (Nghiên cứu khoa học; quản lý khoa học của Tổng cục; phổ biến thông tin khoa học; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ), trong đó chức năng nghiên cứu khoa học được ưu tiên số 1, nhưng chỉ được hình thành 01 đơn vị cấp phòng với 06 biên chế. Với qui mô này, Viện KHTK sẽ không thể nghiên cứu, giải quyết được những vấn đề lớn của ngành, liên ngành.

Chức năng quản lý khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thống kê là một trong 09 nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông kê, đây là chức năng quản lý hành chính, nhưng do đơn vị sự nghiệp như Viện KHTK thực hiện là chưa hợp lý, vì đơn vị sự nghiệp không thực hiện chức năng quản lý nhà nước, mà chỉ hỗ trợ cho các đơn vị hành chính thực hiện chức năng này. Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 (tiết a, khoản 1, Điều 3) đã quy định “các tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước” gồm 16 đơn vị hành chính của Tổng cục, không có Viện KHTK. Trong thực tế, Viện KHTK đã cố gắng thực hiện chức năng quản lý KH&CN của Tổng cục, nhưng vì là đơn vị sự nghiệp, nên Viện đã gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục pháp lý cũng như hiệu lực quản lý, chỉ đạo điều hành. Thuyết minh, hợp đồng nghiên cứu các đề tài phải ghi đơn vị quản lý là Tổng cục Thống kê (Theo Luật KH&CN), nhưng Viện KHTK lại ký và đóng dấu, do đó, vừa không đúng với qui định hành chính, vừa gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc với Kho bạc nhà nước về các thủ tục thanh quyết toán kinh phí các đề tài. Những văn bản quản lý và chỉ đạo của Viện KHTK về thực hiện các

đề tài khoa học hầu như không có tác dụng, nhiều đơn vị có sai phạm trong quá trình thực hiện đề tài (chậm tiến độ, không thực hiện theo đúng thuyết minh đã được duyệt, không tổ chức hội thảo, hợp thức hóa chứng từ...), nhưng không thể xử lý được. Về quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học: Viện KHTK là đơn vị dự toán cấp 3, nhưng lại thực hiện như một đơn vị dự toán cấp 1 là lập dự toán, phân bổ kinh phí và thanh quyết toán kinh phí đề tài khoa học do những đơn vị khác trong Tổng cục thực hiện. Viện KHTK không trực tiếp sử dụng kinh phí của các đề tài do các đơn vị khác thuộc Tổng cục thực hiện, nhưng phải ký vào tất cả các chứng từ liên quan đến việc sử dụng kinh phí của các đơn vị khác là bất hợp lý (đơn vị khác sử dụng kinh phí, nhưng Viện KHTK phải chịu trách nhiệm thanh toán với kho bạc và kiểm toán nhà nước?). Theo nguyên tắc kê toán, đơn vị dự toán cấp 3 chỉ chịu trách nhiệm thanh quyết toán phần kinh phí do đơn vị mình sử dụng (giống như các đơn vị sự nghiệp khác của Tổng cục), không chịu trách nhiệm với các khoản kinh phí do đơn vị khác sử dụng. Về phụ cấp nghề thống kê, mặc dù thực hiện chức năng quản lý khoa học của Tổng cục, nhưng các viên chức của Viện KHTK không được hưởng ưu đãi phụ cấp nghề, trong khi đó, một số đơn vị sự nghiệp của Tổng cục không thực hiện chức năng quản lý nhà nước, nhưng vẫn được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề.

Do phải tập trung nguồn lực thực hiện chức năng quản lý khoa học của Tổng cục, trong khi biên chế cố định là 26 người, nên Viện KHTK không thể bố trí nhân lực để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học cũng như các mặt công tác khác của Viện.

Liên quan đến vấn đề tổ chức các đơn vị thuộc Viện, Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 qui định “Thủ trưởng tổ chức khoa học công nghệ được quyền quyết định sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy và qui định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc; quyết định thành lập, sát nhập và giải thể các tổ chức trực thuộc trên cơ sở cân đối nguồn lực để đảm bảo cho hoạt động của đơn vị” (Mục IX), nhưng trên thực tế, thủ trưởng tổ chức KH&CN không có thực quyền này.

Thứ tư, định mức kinh phí cấp theo chuyên đề, nội dung nghiên cứu của đề tài quá thấp (8 triệu đồng/chuyên đề của đề tài cơ sở, 12 triệu đồng/chuyên đề của đề tài cấp bộ). Định mức theo chuyên đề và khống chế mức tôi đa quá thấp, vô hình dung là xé nhỏ một vấn đề, nội dung cần giải quyết thành nhiều chuyên đề không cần thiết. Điều này không chỉ làm tăng các thủ tục hành chính khi thực hiện chuyên đề (lập đề cương, hợp đồng, báo cáo chuyên đề, chứng từ thanh quyết toán...), mà còn làm cho kết quả nghiên cứu đề tài rời rạc, không gắn kết để tập trung giải quyết dứt điểm vấn đề.

Liên quan đến vấn đề thanh toán trả thù lao cho các cộng tác viên nghiên cứu qua tài khoản riêng của các cộng tác viên nghiên cứu sẽ hạn chế tính chủ động của BCN đề tài và đơn vị thực hiện, khi các cộng tác viên không hoàn thành hoặc chậm tiến độ nghiên cứu theo yêu cầu BCN (không thể thu hồi được khoản kinh phí đã tạm ứng cho công tác viên thực hiện chuyên đề, nội dung nghiên cứu).

IV. Bối cảnh, Cơ hội và thách thức

4.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

4.1.1. Bối cảnh trong nước

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước thông qua Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2011- 2020. Cùng với đó là chiến lược phát triển các bộ ngành, địa phương cũng đang được triển khai xây dựng. Để triển khai thực hiện tốt và có hiệu quả các chiến lược và

chương trình phát triển đất nước; chiến lược phát triển của các bộ, ngành, địa phương, hệ thống thống kê nhà nước không chỉ đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin thống kê của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương... mà còn đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của người dân. Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010, tiếp theo là Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt năm 2011, nhằm xây dựng hệ thống thống kê Nhà nước hoạt động hiệu quả, đáp ứng được các nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của xã hội.

Kinh tế Việt Nam sẽ đạt trình độ phát triển cao hơn, cơ cấu phức tạp và đa dạng, các vấn đề xã hội như nghèo đói, bất bình đẳng và môi trường sẽ càng trở nên quan trọng. Sự phát triển cân đối đồng đều, bền vững và hài hoà trở thành nhu cầu sống còn đối với nền kinh tế nước ta. Trình độ dân trí được nâng lên, kéo theo nhu cầu hiểu biết và sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng và mở rộng cho mọi đối tượng trong xã hội tạo ra thị trường rộng lớn cho nghiên cứu khoa học và dịch vụ thông tin phát triển. Các nguồn lực cho nghiên cứu khoa học và triển khai cũng được tăng cường tạo khả năng xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học thống kê nói riêng.

4.1.2. Bối cảnh Quốc tế

Năm 2015 Việt Nam sẽ là quốc gia trong Cộng đồng thống kê ASEAN, thống kê Việt Nam sẽ là bộ phận trong thống kê ASEAN, điều này đặt ra cho thống kê Việt Nam phải đạt được tiêu chuẩn và hài hòa với thống kê các nước trong khu vực. Nền kinh tế thế giới có tính toàn cầu hoá cao hơn, Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng. Các tác động của kinh tế thế giới đến kinh tế Việt Nam ngày càng nhanh và mạnh. Kinh nghiệm và bài học của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vừa qua đặt ra yêu cầu mới cho khoa học thống kê phải thường xuyên giám sát và cảnh báo cho xã hội cũng như các nhà hoạch định chính sách những tín hiệu tạo khả năng ngăn ngừa khủng hoảng. Trình độ nghiên cứu khoa học thống kê trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho thống kê Việt Nam tiếp cận, nghiên cứu và học hỏi các thành tựu hiện đại cũng như các kinh nghiệm thực tế ở các nước. Tốc độ tin học hoá ngày càng lớn, quy mô, mức độ áp dụng các công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại sẽ ngày càng mở rộng. Các hệ thống truyền thông đa phương tiện sẽ phổ biến. Các hệ thống xử lý thông tin, lưu trữ thông tin và truyền thông tin sẽ phát triển mạnh với các thiết bị đa năng, tích hợp. Tốc độ truyền tin và lưu trữ thông tin ngày càng cao. Internet sẽ ngày càng phổ cập đến mọi gia đình, hệ thống media di động sẽ tràn ngập và phổ biến, người dùng tin sẽ có khả năng truy cập thông tin tại mọi nơi, mọi lúc.

4.2. Cơ hội và thách thức

4.2.1. Cơ hội

- Hội nhập, hợp tác quốc tế về thống kê nói chung và nghiên cứu khoa học thống kê nói riêng là những trụ cột của thống kê thế giới; Cộng đồng thống kê ASEAN sẽ hình thành vào năm 2015; Tổng cục Thống kê đã thiết lập quan hệ hợp tác song phương, đa phương với một số cơ quan thống kê quốc gia trong khu vực và thế giới... là những cơ hội lớn, Viện KHTK cần nắm bắt để đổi mới toàn diện hoạt động của mình theo phương châm đi tắt, đón đầu.

- Đảng, Nhà nước có nhiều cơ chế, chính sách đổi mới kinh tế nói chung, trong đó lĩnh vực khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ (năm 2000), Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 (năm 2012)... Những chính sách này đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng của khoa học và

công nghệ đổi mới sự phát triển của đất nước; đồng thời khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ chủ động đổi mới, tự chủ, tự chịu trách nhiệm... Đây là hành lang pháp lý cho Viện KHTK tiến hành đổi mới một cách toàn diện.

- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (CLTK11-20) mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011. Theo đó, Chương trình “tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế” là một trong 9 chương trình hành động của CLTK11-20. Mục đích của Chương trình này nhằm tạo bước đột phá trong nghiên cứu, áp dụng phương pháp luận thống kê, đưa thống kê nước ta hội nhập đầy đủ với cộng đồng thống kê quốc tế. CLTK11-20 không chỉ là cơ sở pháp lý mà còn là định hướng lớn cho việc đổi mới Viện KHTK.

- Đội ngũ công chức, viên chức trẻ, được đào tạo khá bài bản về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng khác; đồng thời việc tiếp nhận, nâng cấp trụ sở ở Hà Đông sẽ là những nguồn lực quan trọng để Viện KHTK tiến hành đổi mới.

4.2.2. Thách thức

- Thế giới có nhiều thay đổi, hiện tượng kinh tế xã hội mới xuất hiện, cần phải nghiên cứu các phương pháp đo lường qui mô, mức độ của hiện tượng mới phát sinh. Viện KHTK phải đổi mới làm sao để nắm bắt và đưa ra được các phương pháp, công cụ đo lường các hiện tượng mới về kinh tế xã hội. Đây là một trong các thách thức lớn của Viện KHTK.

- Cân đối giữa nguồn lực với yêu cầu thực tế của Viện. Nguồn lực hiện tại cũng như trong giai đoạn đầu đổi mới của Viện KHTK rất hạn chế, trong khi yêu cầu thực tế cần đổi mới lại rất lớn. Muốn đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Viện, đòi hỏi phải có đủ nguồn nhân lực với chất lượng cao; đồng thời điều kiện vật chất, kinh phí tương xứng với các hoạt động tiến hành đổi mới Viện. Làm thế nào để cân đối được nguồn lực với các mục tiêu, nội dung, chương trình đổi mới sẽ là câu hỏi lớn, cần phải có lời giải thỏa đáng.

- Rào cản trong quá trình thực thi các chính sách, cơ chế của Nhà nước, của ngành liên quan đến quá trình đổi mới của Viện KHTK cũng cần được tính đến. Chính sách vĩ mô của Đảng và Nhà nước về đổi mới nói chung và đổi mới trong lĩnh vực KH&CN nói riêng là khá rõ ràng, minh bạch, nhưng triển khai áp dụng vào thực tế còn bị vướng mắc ở các cấp trung gian chịu trách nhiệm triển khai thực thi pháp luật, chính sách. Viện KHTK cần vượt qua được các rào cản này, quá trình đổi mới của Viện mới có thể thành công.

V. Quan điểm, sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu đổi mới

5.1. Quan điểm

Quan điểm đổi mới của Viện là “Đổi mới toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình hợp lý; nghiên cứu khoa học được kết hợp chặt chẽ với đào tạo nhân lực thống kê theo hướng thị trường”.

5.2. Sứ mệnh

Sứ mệnh của Viện là “Thúc đẩy sự phát triển của Thống kê Việt Nam thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành Thống kê Việt Nam”.

5.3. Tầm nhìn

Tầm nhìn của Viện là “Trở thành Viện nghiên cứu và đào tạo thống kê hàng đầu trong khu vực ASEAN vào năm 2030”.

5.4. Mục tiêu đổi mới

a) *Mục tiêu tổng quát:* Đổi mới mọi mặt hoạt động của Viện nhằm tạo ra các sản phẩm nghiên cứu khoa học và dịch vụ đào tạo có chất lượng và hiệu quả; trở thành tổ chức nghiên cứu khoa học và đào tạo trong lĩnh vực thống kê kinh tế - xã hội đạt trình độ hàng đầu trong khu vực.

b) *Mục tiêu cụ thể:*

(1) Đạt 50% số đề tài do Viện thực hiện được biên soạn, xuất bản thành sách chuyên khảo vào năm 2015 và 70% vào năm 2020;

(2) Đạt 50% số đề tài do Viện thực hiện được biên soạn thành các tài liệu, bài giảng phục vụ công tác đào tạo nói chung và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ những người làm công tác thống kê vào năm 2015 và 70% vào năm 2020;

(3) Bình quân hàng năm đạt 200 lượt học viên được đào tạo tại Viện trong giai đoạn 2012-2015; tăng bình quân 15% mỗi năm trong giai đoạn 2020. Đến năm 2020, đào tạo được ít nhất 5 tiến sỹ thống kê;

(4) Số lượng ấn phẩm Thông tin Khoa học thống kê được phát hành tăng 50% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020. Số lượt người truy cập vào Trang thông tin điện tử của VTK tăng 20% mỗi năm.

(5) Ít nhất, mỗi năm có một bài viết tham dự Hội thảo quốc tế về thống kê và/hoặc đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế.

(6) Dịch vụ tư vấn thống kê tăng 10% mỗi năm.

VI. Nội dung đổi mới các hoạt động

6.1. Đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học

6.1.1 Xác định các vấn đề nghiên cứu

Trước tiên, căn cứ vào CLTK11-20 nói chung và Chương trình “tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế” của CLTK11-20 nói riêng để xác định những vấn đề cần nghiên cứu giải quyết trong giai đoạn 2011-2020. Theo đó, đẩy mạnh nghiên cứu phương pháp luận thống kê theo chuẩn quốc tế trong từng lĩnh vực thống kê là các vấn đề nghiên cứu mũi nhọn và cần ưu tiên. Vì, theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) chỉ số phương pháp luận thống kê của Việt Nam đang ở mức thấp chỉ đạt 30/100 điểm. Nội dung cụ thể của các vấn đề về phương pháp luận thống kê đã được ghi rõ trong CLTK11-20 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1803/QĐ/TTg ngày 18/10/2010; Chiến lược này và được cụ thể hóa trong Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 của Tổng cục Thống kê, ban hành tại Văn bản số 289/TCTK-VTK ngày 19/4/2012. Tại các văn bản nói trên đã phân định rõ đơn vị chủ trì nghiên cứu từng vấn đề cụ thể.

Với vai trò là đơn vị nghiên cứu đầu ngành, Viện tham mưu giúp Tổng cục trưởng xác định các vấn đề cần nghiên cứu giải quyết để giao các đơn vị trong Tổng cục thực hiện; đồng thời, Viện chủ trì nghiên cứu 4 vấn đề thuộc chương trình này: i) Nghiên cứu, cập nhật phương pháp luận điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế; ii) Xác

định các hiện tượng kinh tế xã hội mới và nghiên cứu phương pháp đo lường các hiện tượng này, nhằm phản ánh đầy đủ bức tranh kinh tế - xã hội của nước ta; iii) Biên soạn và xuất bản Từ điển Thống kê Việt Nam; iv) Nghiên cứu và áp dụng quy trình quản lý và đánh giá chất lượng số liệu thống kê theo khung đánh giá chất lượng của IMF. Việc xác định rõ các vấn đề Viện sẽ nghiên cứu trong giai đoạn 2011-2020 là rất quan trọng, nhằm tập trung nguồn lực của Viện, tránh tình trạng chồng lấn, bỏ sót.

Thứ hai, rà soát các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành; Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã để xác định những chỉ tiêu cần nghiên cứu, cập nhật phương pháp tính, nguồn số liệu... Giai đoạn 2011 - 2015 sẽ tập trung nghiên cứu, áp dụng các chỉ tiêu thống kê nhóm B thuộc các Hệ thống chỉ tiêu thống kê nói trên. Viện sẽ chủ trì thực hiện nghiên cứu các chỉ tiêu thống kê tổng hợp trong nhóm B này; đồng thời nghiên cứu các chỉ tiêu thống kê mới như, hạnh phúc quốc gia, tiến bộ xã hội, chỉ số cạnh tranh...

Thứ ba, nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách phát triển thống kê phục vụ quản lý nhà nước. Đây là lĩnh vực nghiên cứu đang bị bỏ trống, TCTK chưa giao đơn vị nào chịu trách nhiệm tham mưu giúp lãnh đạo Tổng cục về lĩnh vực này. Thực tế vừa qua cho thấy, trước khi nghiên cứu xây dựng CLTK11-20 đã có những quan điểm khác nhau về vấn đề này. Có quan điểm cho rằng phải xây dựng chiến lược phát triển Thống kê, nhưng có quan điểm khác ngược lại, không nhất thiết phải xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê; đơn vị nào sẽ giúp Tổng cục đảm nhiệm công việc này... Cuối cùng, lãnh đạo Tổng cục đã giao Viện KHTK là đơn vị chủ trì, giúp Tổng cục xây dựng thành công CLTK11-20.

Nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển thống kê là vấn đề lớn, hệ trọng của ngành và là vấn đề mới, cần có các nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chính sách phát triển thống kê nước ta. Giai đoạn 2011- 2015, Viện cần tập trung rà soát, phát hiện những vấn đề của CLTK11-20 cần điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Giai đoạn 2016-2020, tập trung nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển thống kê cho chu kỳ tiếp theo là giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ tư, nghiên cứu các trường phái thống kê, đặc biệt là các phương pháp thống kê mới đang được thống kê thế giới nghiên cứu và áp dụng.

Thứ năm, nghiên cứu gắn với đào tạo. Nắm bắt các vấn đề cần phải đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho những người làm thống kê nói riêng và nhu cầu đào tạo của xã hội nói chung để xác định vấn đề nghiên cứu, biên soạn thành các bài giảng, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo.

6.1.2. Triển khai thực hiện nghiên cứu

Trên cơ sở các vấn đề cần nghiên cứu đã được xác định như đã đề cập ở mục a), triển khai thực hiện nghiên cứu như thế nào để giải quyết được vấn đề là nội dung hết sức quan trọng. Tổ chức nghiên cứu sẽ quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học. Xác định được vấn đề nghiên cứu (chủ đề, đề tài, dự án...), nhưng tổ chức nghiên cứu không tốt, không khoa học, thì chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu và không có hiệu quả. Đổi mới khâu tổ chức nghiên cứu được thể hiện ở những điểm sau:

- Bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu khoa học vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trong Tổng cục. Nhằm gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu với thực tiễn, kết quả nghiên cứu có địa chỉ áp dụng và được áp dụng ngay

từng phần kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác thống kê của từng đơn vị; đồng thời gắn trách nhiệm của từng đơn vị trong việc đảm bảo thống kê thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách theo chuẩn quốc tế. Đổi mới này cũng đã được Viện KHTK xem xét và trình lãnh đạo Tổng cục (qua Vụ Tổ chức cán bộ) đưa vào các Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trong Tổng cục.

- Phân định rõ các vấn đề cần nghiên cứu của từng đơn vị trong Tổng cục. Theo đó, những vấn đề thuộc nghiệp vụ của đơn vị nào, thì giao cho đơn vị đó nghiên cứu, giải quyết và áp dụng thực hiện (Tổng cục giao nhiệm vụ bằng hình thức ban hành quyết định). Đơn vị nào không thể triển khai thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu được giao (không đủ thời gian, thiếu năng lực...), Viện sẽ tổ chức mời thầu rộng rãi (trong đó có các đơn vị thuộc Viện KHTK) để chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu vấn đề của đơn vị đó. Viện chỉ nghiên cứu những vấn đề không thuộc nghiệp vụ chuyên môn của các đơn vị thuộc Tổng cục và nghiên cứu những vấn đề lớn liên ngành, liên lĩnh vực. Trong giai đoạn 2011-2015, Viện sẽ đăng ký và thực hiện ít nhất 01 đề tài cấp nhà nước để giải quyết một số vấn đề trong lĩnh vực thống kê liên ngành, liên lĩnh vực, liên vùng.

6.2. Đổi mới hoạt động quản lý khoa học

- Đổi mới khâu xây dựng kế hoạch KH&CN hàng năm, 5 năm. Ngoài việc nắm bắt nhu cầu nghiên cứu của các đơn vị như trước đây, Phòng nghiên cứu thống kê, tin học của Viện phải là đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Viện về việc xác định chủ đề nghiên cứu của kế hoạch hàng năm, 5 năm (trước đây, Phòng nghiên cứu này chỉ đăng ký đề tài do cá nhân thực hiện, không đề xuất hướng nghiên cứu, chủ đề nghiên cứu chung của Tổng cục). Áp dụng linh hoạt và triệt để các văn bản của nhà nước về đổi mới hoạt động quản lý KH&CN trong việc xây dựng kế hoạch KH&CN. Chẳng hạn, Thông tư số 36/TTLB/BKHCN-BTC-BNV ngày 26/12/2012 qui định, từ năm 2014 trở đi kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức KH&CN nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược được tính trong kinh phí của đề tài, dự án.

- Thành lập Hội đồng khoa học ngành Thống kê. Viện KHTK, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, khẩn trương tham mưu giúp lãnh đạo Tổng cục thành lập Hội đồng khoa học ngành Thống kê chưa hình thành được Hội đồng khoa học để tư vấn cho Tổng cục trưởng những vấn đề về khoa học và công nghệ của ngành. Chủ tịch Hội đồng này là đại diện lãnh đạo Tổng cục, thành viên Hội đồng bao gồm, các chuyên gia và các nhà khoa học về lĩnh vực thống kê, kinh tế, toán, tin học... trong và ngoài ngành Thống kê. Hội đồng này sẽ hoạt động theo quy chế do Tổng cục trưởng qui định.

- Áp dụng qui trình quản lý chất lượng ISO trong quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, gắn kết quả nghiên cứu với triển khai thực tế... Cần áp dụng qui trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Theo đó, có qui định bắt buộc đối với chủ nhiệm đề tài là phải biên soạn kết quả nghiên cứu của đề tài để xuất bản thành sách và tài liệu giảng dạy; đối với những đề tài nghiên cứu triển khai, qui định bắt buộc phải có khâu triển khai áp dụng thực tế.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng cách rà soát kỹ các văn bản liên quan đến quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ để vận dụng linh hoạt theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Chẳng hạn, phân bổ kinh phí đề tài theo nội dung nghiên cứu, hạn chế bố trí kinh phí theo chuyên đề, vì theo Thông tư liên tịch số 44/TTLT-BTC-BKHCN, định mức kinh phí tối đa không quá

30 triệu đồng, trong khi đó, kinh phí chuyên đề tối đa không quá 12 triệu đồng. Nếu 1 nội dung nghiên cứu chỉ ra nhiều chuyên đề sẽ phát sinh ra bấy nhiêu hợp đồng nghiên cứu và các thủ tục hành chính khác. Tình trạng khá phổ biến hiện nay là người viết (chủ nhiệm hoặc Thư ký đề tài) báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài hầu như không sử dụng được các báo cáo chuyên đề thuộc nội dung của đề tài đã được phân công cho các cộng tác viên nghiên cứu. Để giải quyết tình trạng này, cần phải bổ sung các định mức thu thập thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ đề tài; đồng thời thay việc phân công cộng tác viên viết chuyên đề bằng việc thu thập tài liệu, dữ liệu, số liệu hoặc góp ý cho những nội dung trong báo cáo tổng hợp do Chủ nhiệm hay Thư ký đề tài trực tiếp viết.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hiện đã thiết kế phần mềm trực tuyến về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng vẫn chưa đưa vào sử dụng được. Cần xem xét, phân tích nguyên nhân để hoàn thiện phần mềm này đưa vào sử dụng, tiến tới tin học hóa toàn bộ các khâu có thể tin học hóa được của quá trình quản lý các nhiệm vụ khoa học, và có thể xét duyệt và nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài trực tuyến.

- Tổ chức mời thầu thực hiện đề tài, dự án trong lĩnh vực thống kê: Trên cơ sở kế hoạch KH&CN của Tổng cục, tiến hành mời thầu công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, internet). Trước mắt, xây dựng qui chế đấu thầu đề tài, dự án và chọn ít nhất 01 đề tài cấp Bộ thực hiện thí điểm mời thầu.

6.3. Đổi mới công tác đào tạo và hợp tác quốc tế

6.3.1. Đổi mới công tác đào tạo

- Xác định rõ đối tượng và chương trình mà Viện KHTK hướng tới để phát triển công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xác định đúng đối tượng cần được đào tạo, bồi dưỡng là bước đầu tiên và rất quan trọng trong việc phát triển công tác đào tạo của Viện. Theo đó, Viện cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho 4 đối tượng sau:

+ Đối tượng thứ nhất, là những người làm công tác thống kê trong hệ thống thống kê Nhà nước (Hệ thống thống kê tập trung và thống kê Bộ, ngành). Trong 2 năm đầu (2012, 2013), Viện sẽ ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng này. Vì hiện nay, số lượng công chức thống kê không đảm bảo đủ tiêu chuẩn ngạch theo qui định là rất lớn. Theo số liệu của Vụ TCCB, toàn ngành Thống kê có khoảng 11.000 lượt người có nhu cầu đào tạo phù hợp với vị trí công việc đang đảm nhiệm; hay nói khác, những công chức này đang nợ đầu vào theo ngạch thống kê mà họ đã được bổ nhiệm. Chẳng hạn, công chức A đã được bổ nhiệm vào ngạch thống kê viên, nhưng chưa qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức thống kê ở ngạch thống kê viên, công chức này cần được đào tạo và cấp chứng chỉ đúng với ngạch đã được bổ nhiệm. Hiện nay, trong Hệ thống thống kê tập trung, khá nhiều thống kê viên đang bị mắc kẹt không đủ điều kiện để bổ nhiệm vào ngạch thống kê viên chính, mặc dù đã đủ thời gian để bổ nhiệm, nhưng chưa được đào tạo và cấp chứng chỉ về kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức thống kê ở ngạch thống kê viên chính. Tương tự như vậy, đối với ngạch thống kê viên chính lên ngạch thống kê viên cao cấp.

+ Đối tượng thứ hai, là những người làm thống kê ở Sở, ban ngành địa phương. Đối tượng này cũng khá đông, họ đang kiêm nhiệm làm nghiệp vụ thống kê tại các sở ban, ngành địa phương, nhưng hầu như chưa được trang bị kiến thức thống kê. Họ làm thống kê, nhưng không hiểu thống kê là gì. Viện sẽ mở rộng đào tạo, bồi dưỡng cho loại đối tượng này từ cuối năm 2013 trở đi.

+ Đối tượng thứ ba, là những người sử dụng thông tin thống kê. Đối tượng này, bao gồm, các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu. Đối với các nhà hoạch định chính sách, cần phải hiểu vai trò của thống kê nói chung và số liệu thống kê nói riêng trong việc hỗ trợ ra các quyết định, chính sách... và cần hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp về kinh tế xã hội. Đối với các nhà nghiên cứu, họ cần được trang bị kỹ năng khai thác số liệu thống kê vĩ mô (tổng hợp) và số liệu thống kê vi mô (chưa tổng hợp) chính thống sẵn có; đồng thời họ cũng cần được đào tạo kỹ năng tổ chức thu thập và xử lý số liệu.

- Tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo cụ thể của từng đối tượng nói trên. Viện KHTK sẽ phối hợp với Vụ TCCB tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo (nội dung, chương trình, hình thức đào tạo) của từng đối tượng để xác định chính xác, cụ thể nội dung, chương trình, hình thức đào tạo đối với từng ngạch, bậc thống kê.

- Thiết kế chương trình và biên soạn bài giảng theo từng đối tượng. Trên cơ sở xác định chính xác nhu cầu đào tạo cụ thể của từng loại đối tượng, sẽ tiến hành thiết kế nội dung, biên soạn bài giảng và hình thức học cho phù hợp với từng loại đối tượng. Hình thành Ban Biên soạn chương trình, bài giảng và Hội đồng thẩm định các chương trình, bài giảng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chính thức áp dụng trong toàn ngành.

- Xây dựng CSDL và các tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu và đào tạo: Ngoài chương trình đào tạo chuẩn nói trên, cần xây dựng CSDL phục vụ nghiên cứu và đào tạo. CSDL này sẽ bao gồm dữ liệu một số cuộc điều tra (hồ sơ đầy đủ của 01 cuộc điều tra, kèm dữ liệu điều tra), kết quả nghiên cứu khoa học, từ điển thống kê... CSDL này sẽ hỗ trợ tốt cho cả giảng viên và học viên.

- Phương pháp giảng dạy: Xóa bỏ phương pháp dạy chay (không có tài liệu), đọc thoại (giảng viên nói, học viên nghe và ghi), thay vào đó là phải dạy theo khung tài liệu đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền và phải gắn với thực tế của vấn đề tương ứng; sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến như giảng viên chỉ nêu vấn đề, học viên thảo luận chung hoặc theo nhóm để giải quyết vấn đề đã được giảng viên đưa ra.

- Thành lập bổ sung 01 đơn vị cấp phòng thuộc Viện để đảm nhiệm công tác đào tạo, bồi dưỡng của Viện. Chẳng hạn, Viện sẽ trình lãnh đạo Tổng cục phê duyệt cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện, trong đó, có Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng thống kê (tương đương cấp phòng) trực thuộc Viện. Thời gian đầu (3 năm), Trung tâm này được hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách nhà nước, các năm tiếp theo, căn cứ vào kết quả hoạt động cụ thể sẽ xác định cơ chế hoạt động tự chủ, tự trang trải kinh phí hoạt động theo lộ trình hợp lý.

- Liên kết đào tạo là một trong các hướng phát triển dịch vụ đào tạo của Viện KHTK. Trước mắt, liên kết đào tạo, bồi dưỡng kiến thức thống kê, tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng khác với các đối tác trong và ngoài ngành Thống kê theo phương châm 4 trong 1. Có nghĩa là, ngoài nhiệm vụ chính là đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, nghiệp vụ thống kê theo tiêu chuẩn ngạch bậc, Viện sẽ liên kết đào tạo và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học phù hợp với từng ngạch bậc cho những học viên được đào tạo tại Trung tâm, như vậy, đồng thời học viên sẽ nhận được 04 chứng chỉ sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng tại Trung tâm thuộc Viện. Xúc tiến xây dựng Đề án liên kết đào tạo cử nhân thống kê thực hành 3 năm, trong đó, 2 năm đầu học theo lớp, năm cuối đi thực tế, thực hành tại các Vụ, Viện, Cục Thống kê tỉnh, thành phố, Chi cục Thống kê huyện, quận hoặc tổ chức thống kê Bộ, ngành; sinh viên được hỗ trợ kinh phí, sau khi tốt nghiệp được bố trí công tác tại các cơ quan thống kê. Viện KHTK cần có kế hoạch và lộ trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, thời kỳ đầu, cần liên kết đào tạo trình độ thạc sỹ, đến năm 2020 sẽ tiến hành đào tạo bậc tiến sỹ thống kê.

6.3.2. Đổi mới công tác hợp tác quốc tế

Xây dựng kế hoạch /chương trình tổng thể dài hạn về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo theo nội dung và hình thức như sau:

- Về nội dung hợp tác quốc tế: Viện KHTK hợp tác quốc tế với các nội dung chính: i) Trao đổi kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học và đào tạo với đối tác thông qua trao đổi trực tiếp, qua các diễn đàn, qua mạng internet... Viện KHTK cần lựa chọn và dịch ra tiếng Anh một số kết quả nghiên cứu đề tài, các bài báo khoa học, kỷ yếu khoa học, kỷ yếu hội thảo... đăng trên trang web của Viện và gửi tới một số đối tác (xem các đối tác ở dưới); đồng thời đưa ra yêu cầu cung cấp tài liệu đối với đối tác; ii) Lựa chọn và tham gia một số nhóm/dự án nghiên cứu phương pháp luận thống kê của khu vực, quốc tế (Ví dụ: nhóm Deli, nhóm Vourbur, dự án tiên bộ xã hội...); iii) Tham dự và trình bày tại một số hội nghị, hội thảo khu vực và quốc tế về nghiên cứu khoa học và đào tạo Thống kê (hiện có một số diễn đàn thống kê quốc tế được tổ chức thường niên về vấn đề này, như là Hội nghị của Viện Thống kê quốc tế (ISI) tổ chức 2 năm/lần, sắp tới ISI sẽ tổ chức Hội nghị lần thứ 59 tại Hồng Kông, Hội nghị lần thứ 60 tại Brazil vào năm 2015, Hội nghị quốc tế về đào tạo thống kê (ICOTS) định kỳ 4 năm/lần, Hội nghị lần thứ 9 sẽ được tổ chức ở Mỹ vào năm 2014. Diễn đàn Thống kê, Tri thức và Chính sách do OECD tổ chức 4 năm/lần, Hội nghị lần thứ 4 được tổ chức ở Ấn Độ vào tháng 6 tới; iv) Cử người đi thực tập, học tập tại một số Viện nghiên cứu, đào tạo của tổ chức quốc tế, nước ngoài bằng cách chủ động tìm các suất học bổng của các tổ chức nói trên; v) Tìm kiếm và thực hiện các dự án từ các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, như UNDP, WB, IMF, ADB, ILO, UNFPA... (chủ động đề xuất trong chương trình hợp tác quốc tế của Tổng cục hoặc tự tìm kiếm dự án mời thầu của các tổ chức quốc tế đăng trên các trang web).

- Thiết lập được các đối tác chính: Cơ quan thống kê chính thức của nhiều quốc gia đã hình thành đơn vị nghiên cứu, đào tạo trực thuộc, tuy nhiên, Viện KHTK chưa xác lập được đối tác nào. Do đó, Viện KHTK cần xác định được một số đối tác chính theo các tiêu chí, như: Có nhiều chủ đề được quan tâm; có quan hệ truyền thống; khoảng cách về địa lý (càng gần càng được ưu tiên)... Theo đó, đối tác chính của Viện KHTK, gồm: i) Viện Thống kê quốc tế - ISI (cần đăng ký và nộp lệ phí để trở thành thành viên của ISI); ii) Viện Đào tạo thống kê khu vực Châu Á, Thái bình dương (thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về thống kê); iii) Diễn đàn Thống kê, tri thức, chính sách của OECD (Phương pháp đo lường mới về tiên bộ xã hội); iv) Viện Đào tạo thống kê Hàn quốc và Viện Nghiên cứu thống kê Hàn quốc (quan hệ truyền thống, qui mô đứng đầu trong khu vực). Riêng với Viện Đào tạo thống kê Hàn quốc, Viện cần xây dựng quan hệ hợp tác song phương chính thức bằng văn bản thỏa thuận hợp tác. Đối với các tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam, Viện cần thiết phải hình thành được từ 1 đến 2 tổ chức quốc tế làm đối tác chiến lược, trước hết thông qua các dự án hỗ trợ thực hiện CLTK11-20 của các tổ chức này; đồng thời thường xuyên tìm kiếm qua trang web của các tổ chức này để tham gia thầu các dự án công khai trên mạng internet.

- Hình thức hợp tác: Hợp tác quốc tế của Viện thông qua nhiều hình thức, như: Chính thức và không chính thức giữa Viện với các đối tác; thông qua các nhà nghiên cứu, các chuyên gia, như: Ts. Vũ Quang Việt (Mỹ), Ts. Nguyễn Trọng Hậu (Balan), Ts. Nguyễn Anh Tuấn (Úc)...

6.4. Đổi mới công tác phổ biến thông tin, tư liệu

6.4.1. Xác định đối tượng và nhu cầu sử dụng thông tin của từng loại đối tượng

- Nhóm đối tượng là các cơ quan, tổ chức: Nhóm đối tượng này, bao gồm: i) Các Vụ, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức thống kê Bộ, ngành là đối tượng truyền thống cần được duy trì và phát triển; ii) Chi cục Thống kê huyện/quận (gần 700 Chi cục), Viện nghiên cứu (khoảng 800 Viện), các cơ quan của Quốc hội, tổ chức quốc tế là những đối tượng mới cần được mở rộng. Nhóm đối tượng này cần được phân tách nhu cầu thông tin theo từng loại đối tượng cụ thể như sau:

Đối tượng là các Chi cục thống kê huyện/quận: Ngoài những thông tin về phương pháp luận, kinh nghiệm quốc tế, còn có nhu cầu thông tin về kinh nghiệm thực tế của các cá nhân, đơn vị khác trong ngành, nhất là kinh nghiệm thực tế từ các Chi cục Thống kê khác. Đặc biệt cần có các bài viết về các tấm gương điển hình trong thực tiễn công tác thống kê ở địa phương.

Đối tượng là các cơ quan của Quốc hội, nhu cầu thông tin thống kê sẽ là những khái niệm, ý nghĩa, tác dụng và phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê vĩ mô, kèm theo dãy các trị số của các chỉ tiêu này (thông tin bằng số) và các phân tích, nhận định của các nhà thống kê, kinh tế. Những thông tin phục vụ đối tượng này được cập nhật và phát hành định kỳ trước 15 ngày kỳ họp Quốc hội diễn ra.

- Nhóm đối tượng là cá nhân: Nhóm đối tượng này, bao gồm, các Học viên tham dự các lớp đào tạo do Viện tổ chức; sinh viên, nghiên cứu sinh các trường đại học, nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lập pháp (đại biểu quốc hội). Mỗi đối tượng cá nhân này có những quan tâm về thông tin khoa học thống kê khác nhau. Chẳng hạn, đối với những học viên tham dự các lớp đào tạo do Viện tổ chức chủ yếu là những thống kê viên, thống kê viên chính, thống kê viên cao cấp sẽ có nhu cầu thông tin về phương pháp luận và qui trình thống kê theo chuẩn quốc tế; kỹ năng xử lý dữ liệu khuyết thiếu, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, kỹ năng phân tích và diễn giải dữ liệu, kỹ năng sử dụng các phần mềm phân tích thông kê... Đối với sinh viên, nghiên cứu sinh tại các trường đại học và các nhà nghiên cứu nói chung sẽ có nhu cầu thông tin về kỹ năng tổ chức thu thập số liệu; dữ liệu vi mô một số cuộc điều tra; dãy số liệu vĩ mô các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của quốc gia hay cấp tỉnh; các báo cáo phân tích dữ liệu, dự báo thống kê; các đề tài, công trình nghiên cứu đã được thực hiện (Tổng quan các công trình nghiên cứu). Đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà lập pháp (đại biểu quốc hội) sẽ có nhu cầu thông tin về tầm quan trọng của số liệu thống kê trong việc hỗ trợ ra các chính sách, các quyết định hành chính; khái niệm, ý nghĩa, tác dụng, phương pháp tính, nguồn số liệu của các chỉ tiêu thống kê vĩ mô và dãy số liệu của các chỉ tiêu này; các báo cáo phân tích và dự báo kinh tế.

6.4.2. Xác định các sản phẩm, nội dung và phương thức phổ biến thông tin

- Xác định các sản phẩm thông tin: Viện tập trung vào 02 nhóm sản phẩm thông tin chủ chốt sau: i) Nhóm sản phẩm in trên giấy, bao gồm, Tạp chí khoa học thống kê, Việt Nam qua con số thống kê, sách chuyên khảo giới thiệu kết quả nghiên cứu các đề tài hoặc kết quả của một đề tài cụ thể, sách hướng dẫn phương pháp luận thống kê ở một số lĩnh vực, sách dịch... giáo trình thống kê thực hành (lựa chọn, chương phần phù hợp với Việt Nam), tài liệu bài giảng...; ii) Nhóm sản phẩm thông tin điện tử (Internet, USB...): Chuyển một phần nội dung thông tin in trên giấy thành các file dữ liệu điện tử; thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu và đào tạo... Tùy theo từng loại sản phẩm thông tin sẽ tiến hành đổi mới nội dung cho phù hợp với nhu cầu của đối tượng sử dụng sản phẩm đó.

- Phương thức phổ biến thông tin: Phát hành trực tiếp đến đối tượng sử dụng, phát hành thông qua các đại lý, tổ chức hội nghị giới thiệu các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm mới.

6.4.3. Đổi mới một số sản phẩm thông tin sẵn có, phát triển một số sản phẩm mới

- Tờ thông tin khoa học thống kê: Tiếp tục thủ tục nâng cấp tờ thông tin lên Tạp chí KHTK (cần danh sách các viện nghiên cứu có tạp chí riêng, danh sách bộ, ngành có từ 2 tạp chí trở lên). Nội dung chủ yếu của ấn phẩm này, bao gồm, phương pháp thông kê (Phương pháp luận, qui trình thống kê); tin hoạt động thông kê trên thế giới, trong ngành, đặc biệt là tin từ thông kê Bộ, ngành, Chi cục Thống kê, Cục Thống kê; thông tin bằng số (một số chỉ tiêu chủ yếu về tình hình kinh tế xã hội); thông tin bằng hình ảnh (quảng cáo).

Đối tượng sử dụng sản phẩm, bao gồm cả nhóm đối tượng là tổ chức và cá nhân: i) Nhóm đối tượng là tổ chức: Duy trì đối tượng hiện có và mở rộng tới các đối tượng là các Viện nghiên cứu (800 viện), các trường đại học khối kinh tế (khoảng 200 trường), các tổ chức quốc tế... Phương thức phát hành cho đối tượng này là thông qua việc gửi biểu kèm theo nhu cầu đặt hàng; ii) Nhóm đối tượng là cá nhân: Học viên tham gia các lớp học của Viện, thông qua tài liệu tham khảo bắt buộc của khóa học, các cá nhân khác được phát hành thông qua các đại lý phát hành. Cần xây dựng giá bán hợp lý (yếu tố thị trường) của Tạp chí này.

- Trang web: Trang web của Viện đã được nâng cấp, đang trong giai đoạn thử nghiệm, tuy chưa hoàn chỉnh (một số trang chưa vận hành được), nhưng hàng ngày có hàng trăm lượt người truy cập vào trang web này. Nhằm nâng cao hiệu của trang web này, cần thực hiện các nội dung sau: i) Duy trì và phát triển những trang thông tin hiện có (Tin tức, Thông tin khoa học...); ii) Đưa vào vận hành các trang thông tin đã được thiết kế sẵn (Đào tạo trực tuyến/đào tạo từ xa, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu và đào tạo, thư viện điện tử...) với nội dung thông tin được cập nhật thường xuyên cung cấp miễn phí trong giai đoạn đầu (03 hoặc 06 tháng); iii) Phát triển phiên bản tiếng Anh một số trang tin của trang web. Thông tin trên trang web này có thể phục vụ tất cả các đối tượng.

- Ấn phẩm về kết quả nghiên cứu đề tài (mới): Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài, kết hợp với kết quả triển khai thực tế (nếu có), hàng năm biên soạn thành ấn phẩm phát hành rộng rãi trên thị trường cho mọi đối tượng, trong đó chú trọng đến đối tượng là các học Viên tham gia các lớp học do Viện tổ chức (tài liệu tham khảo bắt buộc). Ấn phẩm này được phát hành đồng thời bằng bản cứng (in ra giấy) và bản mềm đưa lên trang web, usb... (đây là sản phẩm mới và có tính khả thi cao).

- Ấn phẩm “Việt Nam qua số liệu thống kê” (mới). Ấn phẩm dạng này được nhiều Cơ quan thống kê quốc gia của nhiều nước phát hành định kỳ ít nhất là năm/số, nhưng Việt Nam chưa có loại ấn phẩm này. Viện sớm nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài để biên soạn và phát hành ấn phẩm này. Ấn phẩm này sẽ gồm 2 nội dung chính: i) Phân tích, nhận định tình hình kinh tế xã hội Việt Nam; ii) Dữ liệu về Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (có khái niệm, tác dụng và phương pháp tính từng chỉ tiêu kèm theo dữ liệu). Ấn phẩm này được phát hành bằng 2 phương thức: In ra giấy (chủ yếu nội dung phân tích, nhận định) và dạng điện tử (ví dụ, usb) tra cứu, tìm kiếm, sao chép được (nội dung chủ yếu là dữ liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia). Đối tượng sử dụng ấn phẩm này, không chỉ là các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách (đại biểu Quốc hội), mà còn bổ ích cho nhiều đối tượng khác, kể cả cộng đồng doanh nghiệp.

- Sách hướng dẫn phương pháp luận, qui trình thống kê. Trước hết tập trung vào biên soạn cuốn Từ điển thống kê Việt Nam (cuốn Từ điển đầu tiên được biên soạn và phát hành từ năm 1977, đến nay không còn phù

hợp). Tiếp đến là biên soạn và phát hành một số cuốn sách hướng dẫn phương pháp luận và qui trình thống kê đối với một số chỉ tiêu, chỉ số thống kê tổng hợp ví mô liên quan đến nhiều nguồn số liệu và qui trình tính toán phức tạp, như HDI, ICORE, hạnh phúc quốc gia, thịnh vượng quốc gia, đo lường tiên bộ xã hội...

- Tài liệu tham khảo khác cho các học viên tham gia các lớp đào tạo do Viện tổ chức.

Ngoài những ấn phẩm được ưu tiên phát triển nói trên, Viện cần biên soạn tài liệu tham khảo theo chủ đề phục vụ các học viên và các đối tượng khác phù hợp với từng giai đoạn cụ thể.

6.4.4. Đổi mới tổ chức sản xuất tin và quản lý

- Đổi mới tổ chức sản xuất tin: Sản xuất thông tin KHTK cũng như các thông tin khác đã có quy trình, tùy theo tầm cỡ mà có tổ chức nhân sự tương ứng. Công tác tổ chức làm tin hiện nay tại Viện KHTK là nghiệp dư của những người kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau. Do vậy những sản phẩm hiện có cũng đã là một cố gắng lớn trong hơn 30 năm qua.

Hiện nay đổi mới không những là để làm tốt chức năng thông tin thống kê mà còn phải gắn với nền kinh tế thị trường. Do đó, cần phải tính đến một cách thức tổ chức nhân sự mới để đáp ứng được khối công việc lớn hơn rất nhiều so với trước đây. Như thế cần phải tạo dựng được bộ máy làm hầu hết các khâu trong quy trình làm tin: tư liệu, làm tin, biên tập, in ấn, pháp hành, kế toán, thị trường, kinh doanh,.... Sự chuyển đổi này rõ ràng là không thể làm ngay một lần mà chỉ có thể hình thành tùy theo sự phát triển thị trường người dùng tin. Điều đó có nghĩa là chúng ta cần một quy trình và cũng cần một lộ trình thực hiện.

- Đổi mới quản lý hoạt động thông tin: Tất cả những yêu cầu đổi mới trên dẫn đến một yêu cầu quan trọng là cần thay đổi quản lý hoạt động thông tin KHTK. Song chuyển đổi sang mô hình hoạt động nào đó là chuyện cần phải được tính toán kỹ lưỡng. Trước đây hoạt động thông tin KHTK dựa vào kinh phí ngân sách nhà nước, hoạt động có thu gần như không có. Nếu như nay ta mở rộng đối tượng mà không tính đến việc dựa vào nguồn thu từ việc xuất bản các ấn phẩm thông tin thì mọi hoạt động sẽ ngưng trệ như cũ. Hơn nữa trong cơ chế thị trường mọi sản phẩm phải có giá và cần được thị trường chấp nhận – như thế một cơ chế quản lý mới phải làm cho hoạt động này hiệu quả với mục tiêu phải tăng được nguồn thu từ hoạt động thông tin KHTK. Theo đó, những sản phẩm thông tin được in ra giấy đều phải xác định được giá bán hợp lý, một số sản phẩm theo cơ chế lấy thu, bù một phần chi phí, một số sản phẩm khác theo cơ chế lấy thu, bù chi và lợi nhuận.

6.5. Đổi tên, biểu tượng và tái cấu trúc các đơn vị thuộc Viện

- Đổi tên Viện KHTK thành “Viện Nghiên cứu và đào tạo thống kê”, tên tiếng Anh là “Institute for Statistical Research and Training”, tên giao dịch quốc tế của Viện là ISRT.

- Đổi mới biểu tượng/Logo của Viện. Viện KHTK đã tổ chức cuộc thi “Ý tưởng thiết kế Logo của Viện”, nhằm chọn ra ý tưởng tốt nhất để thiết kế biểu tượng của Viện. Cuộc thi đã thu hút được nhiều cá nhân trong và ngoài ngành Thống kê tham gia. Tuy nhiên, Ban tổ chức chỉ chọn ra được 3 giải Ba và 9 giải Khuyến khích, không có giải nhất, nhì. Sau cuộc thi này, Viện KHTK có mời 01 chuyên gia về lĩnh vực thiết kế logo phác thảo một số mẫu logo của Viện (Hình 1), những mẫu này đăng trên trang web của Viện để lấy ý kiến bình chọn của độc giả. Trên cơ sở kết quả bình chọn này, Viện sẽ chọn được ý tưởng hay nhất để thiết kế logo chính thức của Viện.

Hình 1: Một số mẫu (phác thảo) Logo của Viện

		
<p>01</p>	<p>02</p>	<p>03</p>
		
<p>04</p>	<p>05</p>	<p>06</p>
		
<p>07</p>	<p>08</p>	<p>09</p>
		
<p>10</p>	<p>11</p>	<p>12</p>

- Kiện toàn cơ cấu, tổ chức của Viện, gồm 6 đơn vị cấp phòng:

- (a) Phòng Nghiên cứu Chiến lược và chính sách phát triển thống kê;
- (b) Phòng Nghiên cứu Kinh tế - xã hội (bao gồm 2 bộ phận: Nghiên cứu thống kê kinh tế; Nghiên cứu thống kê xã hội);
- (c) Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng thống kê (bao gồm 03 bộ phận: Kế hoạch và tiếp thị đào tạo; Quản lý giảng viên và học viên; Đào tạo trực tuyến);
- (d) Trung tâm Thông tin khoa học thống kê (bao gồm 03 bộ phận: Tạp chí; trang web; thư viện);
- (e) Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (bao gồm 02 bộ phận: Quản lý khoa học; Hợp tác quốc tế);
- (f) Văn phòng Viện (bao gồm 03 bộ phận: Tổ chức cán bộ; kế toán, tài vụ; thống kê, văn phòng).

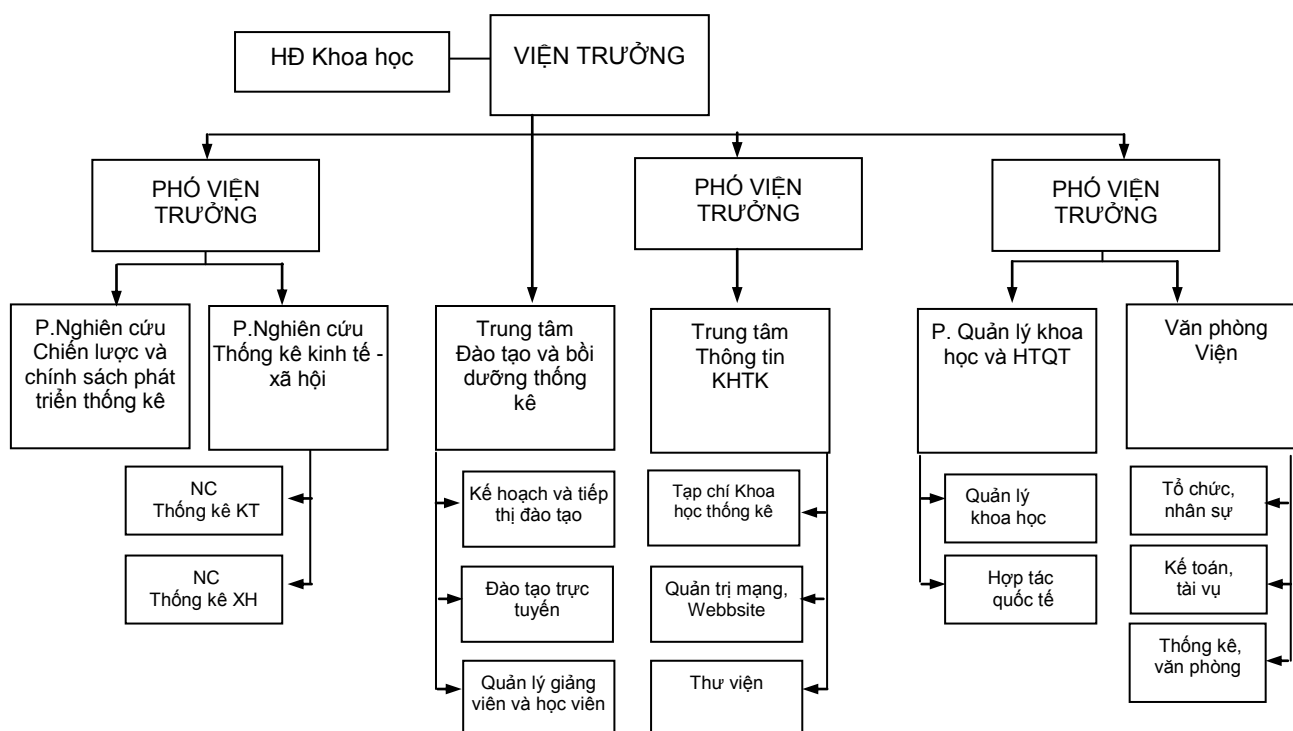
- Nguồn nhân lực: Nhân lực của Viện cần được bổ sung từ 26 biên chế lên 42 biên chế. Số biên chế này được bố trí vào các vị trí công việc như Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Bố trí nhân lực vào các vị trí công việc của Viện

STT	Tên đơn vị	Số lượng (người)	Vị trí việc làm
	Tổng số	43	
1	Ban lãnh đạo Viện	4	- Viện trưởng: 01 người; - Phó viện trưởng: 03 người;
2	Phòng Nghiên cứu, xây dựng chiến lược và chính sách phát triển thống kê	5	Nghiên cứu viên: 12 người
3	Phòng Nghiên cứu Thống kê kinh tế xã hội và môi trường	7	
4	Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế	5	- Quản lý khoa học: 04 người - Hợp tác quốc tế: 01 người
5	Trung tâm Thông tin Khoa học thống kê	6	- Tạp chí KHTK: 03 người; - Quản trị mạng máy tính và trang web: 02 người; - Thư viện: 01 người;
6	Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng thống kê	8	- KH và marketing: 02 người; - Quản lý GV, HV: 02 người; - Giảng viên: 04 người;
7	Văn phòng	8	- Tổ chức cán bộ: 01 người; - Kế toán, tài vụ: 03 người; - Thư ký Viện trưởng, thống kê: 01 người; - Lái xe, hành chính: 01 người; - Tạp vụ, bảo vệ: 02 người;

Ghi chú: Mỗi đơn vị cấp phòng thuộc Viện sẽ được bố trí 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng. Lãnh đạo cấp phòng sẽ đảm nhận một vị trí công việc thuộc Phòng.

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của VTK



Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện và các đơn vị thuộc Viện (Phụ lục 1)

VII. Giải pháp và lộ trình thực hiện

7.1. Giải pháp thực hiện

(1) Nhóm các giải pháp về tổ chức thực hiện Đề án

- Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án: Ngay sau khi Đề án được phê duyệt, cần xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới Viện, Kế hoạch này được trình bày ở dạng bảng theo 7 cột: i) Tên hoạt động/công việc; ii) Đơn vị chủ trì thực hiện; iii) Đơn vị phối hợp thực hiện; iv) Thời gian bắt đầu thực hiện; v) Thời gian hoàn thành; vi) Sản phẩm chính; vii) Kinh phí thực hiện.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đổi mới Viện KHTK, do 01 đồng chí Phó Tổng cục trưởng phụ trách Viện KHTK làm Trưởng ban, Viện trưởng làm Phó trưởng ban thường trực, 01 Phó Viện trưởng làm Thư ký; các thành viên, bao gồm, đại diện lãnh đạo các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính, lãnh đạo Viện, Trưởng các đơn vị thuộc Viện và đại diện của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên của Viện.

- Hình thành các nhóm công tác chịu trách nhiệm theo từng mảng công việc của Đề án, các nhóm công tác này, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính thuộc Viện. Trong đó có nhóm chịu trách nhiệm theo dõi và đánh giá thực hiện Đề án; định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện Đề án với Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

(2) Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất và nguồn lực

- Cơ sở vật chất: Trước mắt, cần khẩn trương tiếp nhận và cải tạo trụ sở mới tại Hà Đông đáp ứng theo hướng đổi mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện để duy trì hoạt động của Viện. Tiếp theo, tiến hành xây dựng và thực hiện đề án đầu tư xây mới toàn bộ trụ sở ở Hà Đông (gồm 42 và 52 Tô Hiệu) thành khu trung tâm nghiên cứu, đào tạo, hội nghị, hội thảo của ngành Thống kê đạt tầm khu vực và quốc tế.

- Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Trước hết, phải xây dựng được tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới Viện KHTK được chi tiết theo từng năm, theo từng hoạt động. Nguồn kinh phí chủ yếu từ kinh phí thực hiện CLTK11-20, ngoài ra, cần huy động từ các nguồn khác.

- Nguồn nhân lực: Tăng cường nhân lực của Viện theo 2 nguồn: i) Nguồn nhân lực thuộc biên chế quản lý của Viện; ii) Nguồn nhân lực hợp đồng theo công việc.

Đối với nguồn nhân lực theo biên chế: Xác định rõ từng vị trí việc làm và tuyển dụng người đáp ứng được từng vị trí việc làm (01 vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm, một người đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm). Hình thành đội ngũ nghiên cứu viên và giảng viên chủ chốt (đầu đàn) ở một số lĩnh vực công tác của Viện. Ứng dụng công cụ ghi chép thời gian, để mỗi công chức, viên chức chủ động quản lý thời gian một cách tự giác, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo công bằng giữa khối lượng, chất lượng công việc và sản phẩm với thu nhập và các quyền lợi khác.

Đối với nguồn nhân lực hợp đồng công việc: Thực hiện ký hợp đồng đối với tất cả viên chức được tuyển dụng từ sau năm 2003, hàng năm có xem xét, điều chỉnh nội dung hợp đồng phù hợp với điều kiện thực tế. Hàng năm, cần tạo ra một số công việc để thực hiện hợp đồng theo công việc đối với các đối tượng không thuộc biên chế của Viện.

Hình thành đội ngũ nghiên cứu viên và giảng viên chủ chốt (đầu đàn) ở một số lĩnh vực công tác của Viện. Trước mắt, cần mời một số chuyên gia tham gia vào một số lĩnh vực nghiên cứu quan trọng của Viện để định hướng, dìu dắt, đào tạo lớp trẻ của Viện. Những chuyên gia này có thể là những người đã từng công tác ở các đơn vị thuộc Tổng cục, hoặc ở các cơ quan khác ngoài Tổng cục.

Thu hút và khuyến khích nhân tài đến làm việc tại Viện KHTK bằng nhiều giải pháp đồng bộ, như: Tiếp nhận những người đã có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ từ nơi khác đến công tác tại Viện KHTK; tuyển dụng cử nhân trẻ được đào tạo cơ bản sẽ được Viện tiếp tục đào tạo (tự đào tạo) hoặc cử đi đào tạo trình độ cao ở trong nước và nước ngoài... Sử dụng đúng người đúng việc, tạo môi trường làm việc bình đẳng, khuyến khích những người làm việc năng suất, hiệu quả, sáng tạo bằng việc ứng dụng phần mềm ghi chép thời gian, để mỗi công chức, viên chức chủ động quản lý thời gian một cách tự giác, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo công bằng giữa khối lượng, chất lượng công việc và sản phẩm với thu nhập và các quyền lợi khác.

(3) Nhóm giải pháp về hợp tác, liên kết

Hợp tác, liên kết vừa là nội dung đổi mới, vừa là giải pháp thực hiện Đề án. Nhằm tận dụng lợi thế so sánh của Viện KHTK. Viện KHTK cần xây dựng được chiến lược hợp tác liên kết với các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước. Xác định đối tác hợp tác, liên kết là một vấn đề quan trọng. Đối với các đơn vị của Tổng cục, trước

nhất là Vụ Tổ chức, cán bộ sẽ là đối tác quan trọng để Viện phát triển công tác đào tạo, bồi dưỡng; Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin sẽ là đối tác trong nghiên cứu khoa học; Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế là đối tác phát triển hợp tác quốc tế của Viện; Vụ Kế hoạch, tài chính là đối tác phát triển cơ sở vật chất của Viện. Hội Thống kê Việt Nam là đối tác thường xuyên hỗ trợ lực lượng nghiên cứu và đào tạo của Viện. Đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố và thống kê Bộ, ngành cần lựa chọn một số Cục Thống kê có các cá nhân có khả năng nghiên cứu khoa học và viết bài. Đối với khối trường, viện nghiên cứu cũng cần thiết lập được quan hệ hợp tác liên kết bằng những đề tài, dự án nghiên cứu và chương trình đào tạo (Hợp tác, liên kết với quốc tế đã được đề cập ở khoản 3, Mục II).

7.2. Lộ trình thực hiện

(1) Trước mắt, từ tháng 06 – 12/2012, thực hiện một số hoạt động sau:

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu Đề tài này, Viện sẽ hoàn chỉnh dự thảo Đề án đổi mới Viện Khoa học Thống kê và các tài liệu kèm theo (Tờ trình, Kế hoạch triển khai thực hiện đề án, dự toán kinh phí, Ban chỉ đạo...) để trình lãnh đạo Tổng cục phê duyệt. Thời gian thực hiện hoạt động này từ tháng 7- 9/2012.

- Phê duyệt Đề án: Căn cứ vào các tài liệu trình phê duyệt Đề án của Viện, Tổng cục xem xét, lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến thẩm định của các đơn vị chức năng và chính thức ban hành Quyết định phê duyệt Đề án đổi mới Viện KHTK. Thời gian thực hiện hoạt động này từ tháng 10 – 12/2012.

- Tiếp nhận, sửa chữa, chuyển trụ sở cơ quan Viện về Hà Đông: Hoạt động này sẽ được hoàn thành trước tháng 1/2013;

(2) Từ năm 2013 đến 2015 sẽ triển khai thực hiện các nội dung của Đề án

- Thực hiện đổi mới cơ cấu tổ chức, bố trí nhân lực theo mô hình tổ chức mới: Ngay sau khi đề án được phê duyệt, Viện sẽ hoạt động theo mô hình mới với 06 đơn vị thuộc Viện. Sắp xếp, bố trí nhân sự theo từng vị trí việc làm, trước tiên, bố trí mỗi đơn vị có ít nhất 01 lãnh đạo và đảm bảo tối thiểu 60% biên chế của từng đơn vị. Hoạt động này sẽ được hoàn thành vào Quý 1/2013. Hàng năm sẽ tuyển dụng mới, đến năm 2015 sẽ đảm bảo đủ số lượng biên chế theo từng vị trí việc làm và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng đúng yêu cầu của từng vị trí việc làm.

- Thực hiện đổi mới các hoạt động của Viện theo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. Kế hoạch này sẽ bao gồm các nội dung chính: Tên các công việc/hoạt động; đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm chính, dự toán kinh phí. Thời gian thực hiện các công việc/ hoạt động trong kế hoạch này phải bám sát Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 của Tổng cục Thống kê đã được ban hành tại Công văn số 289/TCTK-VTKÉ ngày 09/4/2012.

(3) Năm 2015: Tổ chức sơ kết tình hình và kết quả thực hiện Đề án. Năm 2020: Tổ chức tổng kết quá trình thực hiện Đề án và định hướng phát triển Viện giai đoạn 2021 - 2030.

Phụ lục 1

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện và các đơn vị thuộc Viện

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện

1. Chức năng

Viện KHTK vẫn thực hiện chức năng như qui định trong Quyết định 870/2004/QĐ-TCTK, bổ sung chức năng nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển thống kê. Xong chức năng quản lý khoa học của Tổng cục sẽ chỉ thực hiện trong 3 năm tới, đến năm 2015 sẽ chuyển giao cho 1 trong các đơn vị hành chính của Tổng cục đảm nhiệm, chẳng hạn như Vụ Phương pháp chế độ thống kê và CNTT sẽ là đơn vị đảm nhiệm chức năng này. Theo đó, chúng tôi đề xuất chức năng và nhiệm vụ của Viện KHTK như sau:

Viện KHTK là tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện chức năng:

- i) Nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực thống kê; nghiên cứu phương pháp luận thống kê và các phương pháp toán, công nghệ thông tin và các khoa học khác có liên quan để ứng dụng vào thực tiễn công tác thống kê;
- ii) Quản lý khoa học Thống kê của Tổng cục Thống kê;
- iii) Phổ biến thông tin khoa học thống kê;
- iv) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo thống kê.

Viện Nghiên cứu và đào tạo Thống kê có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Nguồn kinh phí hoạt động của Viện Nghiên cứu và đào tạo Thống kê do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định hiện hành.

Trụ sở chính đặt tại số 42 Tô Hiệu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

2. Nhiệm vụ

Viện Nghiên cứu và Đào tạo Thống kê thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực thống kê trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xem xét để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ 5 năm, hàng năm về lĩnh vực thống kê trình Tổng cục trưởng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.
3. Tổ chức quản lý hoạt động khoa học thống kê của Tổng cục Thống kê: Xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức xét duyệt đề cương, tuyển chọn chủ nhiệm; theo dõi, hướng dẫn thực hiện; tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu và kiến nghị đưa các kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành nghiên cứu các vấn đề về lý luận và ứng dụng các phương pháp luận thống kê và các khoa học khác có liên quan vào thực tiễn công tác thống kê. Tham gia giải quyết nội dung khoa học của các vấn đề nghiệp vụ trong quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê.

5. Tổ chức điều tra, khảo sát cơ bản để thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu, thẩm định kết quả của đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ.

6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thống kê cho những người làm công tác thống kê và các đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Đào tạo ngạch thống kê viên, thống kê viên chính, thống kê viên cao cấp và liên kết đào tạo tiến sỹ chuyên ngành thống kê theo qui định của pháp luật.

7. Tổ chức hoạt động phổ biến thông tin khoa học thống kê dưới các hình thức: Xuất bản các ấn phẩm và trang thông tin điện tử thông tin khoa học thống kê; tổ chức dịch thuật, tổng thuật, tổng luận, biên soạn các tài liệu về khoa học thống kê và xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu và đào tạo thống kê.

8. Thực hiện hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và đào tạo trong và ngoài nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và đào tạo thống kê.

9. Tổ chức các hoạt động dịch vụ thống kê phù hợp với lĩnh vực và khả năng của đơn vị theo qui định của pháp luật.

10. Lập dự trù và dự kiến phân bổ kinh phí cho các hoạt động, nhiệm vụ khoa học của Tổng cục Thống kê. Tổ chức theo dõi, quản lý kinh phí đã cấp theo quy định của Nhà nước.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị theo qui định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục Thống kê.

12. Quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục Thống kê.

13. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao và theo qui định của pháp luật.

II. Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc Viện

1. Phòng Nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển thống kê

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng xây dựng chiến lược, chính sách phát triển thống kê Việt Nam

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 1 và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ghi tại Mục

2/1

2. Phòng Nghiên cứu Thống kê kinh tế, xã hội và môi trường

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về phương pháp luận thống kê kinh tế, xã hội, môi trường.

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 4, 5 và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 13 ghi tại Mục 2/l

3. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm, hàng năm của Tổng cục.

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ 2, 3, 8 và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13 ghi tại Mục 2/l.

4. Trung tâm Thông tin khoa học thống kê

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến thông tin khoa học thống kê

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 7, 9 và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 13 ghi tại Mục 2/l.

5. Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng thống kê

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực thống kê.

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ 6 và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 13 ghi tại Mục 2/l.

6. Văn phòng Viện

- Chức năng: Tham mưu giúp Viện trưởng về công tác tổ chức, cán bộ, quản lý tài chính, tài sản và công tác hành chính, văn thư lưu trữ của Viện.

- Nhiệm vụ: Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 10, 11, 12 và phối hợp thực hiện nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13 ghi tại Mục 2/l.

7. Hội đồng khoa học của Viện Nghiên cứu và Đào tạo Thống kê là cơ quan tham mưu tư vấn giúp Viện trưởng về chiến lược phát triển của Viện và tư vấn chuyên môn cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học.

8. Hội đồng Biên tập Tạp chí Khoa học thống kê và Trang Thông tin điện tử của Viện Nghiên cứu và Đào tạo Thống kê là cơ quan tham mưu tư vấn giúp Viện trưởng định hướng phổ biến thông tin khoa học thống kê của Viện, thẩm định, biên tập các bài viết trước khi trình Tổng biên tập duyệt.

ThS. Nguyễn Văn Đoàn